TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 5 - 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Đoàn Thị Sim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1972 (xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Đinh Văn N, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp R, xã R, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/02/2024, các văn bản kèm theo bà Trần Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1993, bà và ông Đinh Văn N kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì bà D và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn trong lối sống, bất đồng quan điểm, cả hai không còn chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2013 cho đến nay. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên bà D không thể đoàn tụ gia đình với ông N, nay bà yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn ông Đinh Văn N.

Về con chung: Có hai người con chung tên Đinh Ngọc D (giới tính nữ), sinh ngày 16/10/1993 và Đinh Ngọc N (giới tính nữ), sinh ngày 16/4/1996, hiện hai người con chung đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện ở xa, phải đi làm thuê không thể tham gia phiên họp và hòa giải được nên bà Trần Thị D yêu cầu xin vắng mặt không tham gia buổi hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm, ngoài ra bà D không có ý kiến gì khác.

Ông Đinh Văn N đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng ông N vẫn không tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị D xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

Ông Đinh Văn N đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông N không cung cấp chứng cứ gì, ông N vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Năm 1993, bà Trần Thị D và ông Đinh Văn N chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không còn chung sống với nhau mà không thể hàn gắn tình cảm. Bà Trần Thị D xác định không còn tình cảm dành cho ông N, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và bà D yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn với ông N.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị D và ông Đinh Văn N không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa bà Trần Thị D và ông Đinh Văn N đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không tham gia tố tụng, cho thấy ông N không mong muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình. Đối với yêu cầu của bà D, ông N không có ý kiến gì. Do hôn nhân giữa bà D và ông N đã vi phạm quy định về điều kiện kết hôn theo Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên bà Trần Thị D và ông Đinh Văn N không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có hai người con chung tên Đinh Ngọc D (giới tính nữ), sinh ngày 16/10/1993 và Đinh Ngọc N (giới tính nữ), sinh ngày 16/4/1996, hiện hai người

con chung đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị D phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào các điều 9, 14, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị D và ông Đinh Văn N là vợ chồng.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng. Bà Trần Thị D đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0003213 ngày 15/02/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Bà Trần Thị D và ông Đinh Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Ngọc Trọng